

Ngày soạn:
Ngày dạy:

Tiết 72: TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Kiến thức: Tiếp tục củng cố cho HS về tính chất cơ bản của phân số qua các bài tập.
2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.
3. Thái độ: Rèn tính cẩn thận, chính xác cho HS.

II. CHUẨN BỊ TÀI LIỆU-TBĐH:

1. Chuẩn bị của thầy: SGK, SGV, tài liệu tham khảo, thước thẳng.
2. Chuẩn bị của trò: ĐDHT, SGK, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ: (Xen vào bài mới)

Nêu các tính chất cơ bản của phân số?

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung kiến thức
<u>Hoạt động 1:</u> Tìm hiểu dạng toán điền số để có dãy các phân số bằng nhau GV: Cho bài toán GV: Cho học sinh nêu yêu cầu của bài toán GV: Cho 3 HS lên bảng trình bày cách thực hiện. GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho học sinh.	Dạng 1: Điền số thích hợp Bài tập 1: Điền số thích hợp vào chỗ trống a) $\frac{1}{4} = \frac{2}{\square} = \frac{\square}{-12} = \frac{-8}{\square}$ b) $2 = \frac{\square}{2} = \frac{\square}{-3} = \frac{-4}{\square} = \frac{8}{\square} = \frac{\square}{25}$ c) $\frac{1}{5} = \frac{\square}{3.5}$ Hướng dẫn a) $\frac{1}{4} = \frac{2}{\boxed{8}} = \frac{\boxed{-3}}{-12} = \frac{-8}{\boxed{-32}}$ b) $2 = \frac{\boxed{4}}{2} = \frac{\boxed{-6}}{-3} = \frac{-4}{\boxed{-2}} = \frac{8}{\boxed{4}} = \frac{\boxed{50}}{25}$ c) $\frac{1}{5} = \frac{\boxed{3.1}}{3.5}$
<u>Hoạt động 2:</u> Tìm số chưa biết GV: Cho đề bài toán GV: Bài toán yêu cầu gì? GV: Ở đây ta có các phân số như thế nào với nhau? GV: Khi hai phân số bằng nhau ta có thể	Dạng 2: Tìm số nguyên chưa biết. Bài tập 2: a) $\frac{2}{3} = \frac{x}{12}$; b) $\frac{4}{x} = \frac{-16}{20}$; c) $\frac{-1}{3} = \frac{x}{21}$ Hướng dẫn

sử dụng tính chất cơ bản của phân số để xác định một yếu tố chưa biết được không?

GV: Cho 3 HS lên bảng trình bày cách thực hiện

GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm và thống nhất cách trình bày cho học sinh

Hoạt động 3: Viết phân số

GV: Cho đề bài toán.

GV: Bài toán yêu cầu gì?

GV: Một giờ có bao nhiêu phút?

GV: Muốn viết các số phút ra giờ ta thực hiện như thế nào?

GV: Cho HS lên bảng trình bày cách thực hiện

GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm

GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho học sinh

$$a) \frac{2}{3} = \frac{x}{12} \text{ vì } 12 = 3.4 \text{ nên } x = 2.4 = 8$$

$$b) \frac{4}{x} = \frac{-16}{20} \text{ vì } 4 = -16 : (-4)$$

$$\text{nên } x = 20 : (-4) = -5$$

$$c) \frac{-1}{3} = \frac{x}{21} \text{ vì } 21 = 3.7 \text{ nên } x = (-1).7 = -7$$

Dạng 3: Viết các phân số

Bài tập 3: Các số phút sau đây chiếm bao nhiêu phần của giờ?

a) 35 phút; b) 15 phút; c) 45 phút

d) 50 phút; e) 30 phút; f) 85 phút

Hướng dẫn

$$a) 35 \text{ phút} = \frac{35}{60} \text{ giờ} = \frac{7}{12} \text{ giờ}$$

$$b) 15 \text{ phút} = \frac{15}{60} \text{ giờ} = \frac{1}{4} \text{ giờ}$$

$$c) 45 \text{ phút} = \frac{45}{60} \text{ giờ} = \frac{3}{4} \text{ giờ}$$

$$d) 50 \text{ phút} = \frac{50}{60} \text{ giờ} = \frac{5}{6} \text{ giờ}$$

$$e) 30 \text{ phút} = \frac{30}{60} \text{ giờ} = \frac{1}{2} \text{ giờ}$$

$$f) 85 \text{ phút} = \frac{85}{60} \text{ giờ} = \frac{17}{12} \text{ giờ}$$

4. Củng cố - Luyện tập:

– GV nhấn mạnh lại tính chất cơ bản của phân số.

– Hướng dẫn học sinh làm các dạng bài tập về phân số.

5. Hướng dẫn học ở nhà:

– Học sinh về nhà học bài và làm bài tập tương tự

– Chuẩn bị bài mới “Rút gọn phân số”